

Bản án số: 32/2020/HS-PT.
Ngày: 12-3-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 12-3-2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 10/2020/TLPT-HS ngày 17-02-2020 đối với các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn Đ, Trương Văn B và Lâm Văn L do có kháng cáo của bị cáo Lâm Văn L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị: Lâm Văn L (tên gọi khác L);
Sinh năm: 1991; Nơi sinh: thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm T, phường A, thị xã N tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Ngọc C (chết) và bà Lâm Thị T; Anh chị em có 03 người, bị cáo lớn nhất; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 06/2013/HSST ngày 03-05-2013 của TAND huyện N, Lâm Văn L bị kết án 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, đến ngày 31-08-2015 đã chấp hành xong hình phạt tù và hình phạt bổ sung; Bị bắt ngày 25-5-2019 và chuyển sang tạm giữ, tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. **Lê Văn Đ;** Sinh ngày: 16-4-1997; Nơi sinh: thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Anh T và bà Trần Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị Diễm T và có 01 người con, sinh năm 2018; Anh chị em có 03 người bị cáo lớn nhất; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 05-02-2019 và chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2. **Trần Văn Đ**; Sinh năm: 1996; Nơi sinh: thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm B, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn U (chết) và bà Trần Thị N; Anh chị em có 07 người, bị cáo nhỏ nhất; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 05-02-2019 và chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

3. **Trương Văn B (tên gọi khác: N)**; Sinh năm: 1986; Nơi ĐKTT: Xóm 5, xã G, huyện H, tỉnh H; Chỗ ở: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn B (Bền) và bà Nguyễn Thị C; Có vợ là Dương Thị T và có 04 người con, lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 03 tuổi; Anh chị em có 04 người, bị cáo thứ hai; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 05-02-2019 và chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:*

1. BH1, sinh năm 2001; (có mặt)
2. BH2, sinh năm 1996; (có mặt)
3. BH3, sinh năm 1972; (có mặt)
4. BH4, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Khóm B, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh NLQ1 (tên gọi khác Đ), sinh năm 1978; (vắng mặt)
2. Anh NLQ2, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Cùng cư trú: Khóm D, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Anh NLQ3 (tên gọi khác Tám N), sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khóm E, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Anh NLQ4, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh NLC1; (có mặt)
2. Anh NLC2; (có mặt)
3. Bà NLC3; (vắng mặt)
4. Ông NLC4; (có mặt)
5. Bà NLC5; (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà NLC6. Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Bà NLC7. Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện H, B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 04-02-2019 bị cáo Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô chở chị NLC6 đi tìm anh NLC1 để thu tiền nợ quán. Khi đến nhà của anh NLC2 (ở khóm C, phường 1, thị xã N) thấy có anh NLC1, anh NLC2 và anh BH2 đang ngồi uống rượu, chị NLC6 liền đi vào và yêu cầu anh NLC1 phải trả tiền nợ quán với số tiền là 400.000 đồng. Anh NLC1 không có tiền trả, nên nói với chị NLC6: “*lấy xe đi...*” nghe vậy, bị cáo Lê Văn Đ liền đi lại nói với anh NLC1: “*chìa khóa xe để đâu*”, anh NLC1 trả lời “*chìa khóa để trong cốp xe, mày lấy được thì lấy*”; Trong lúc lời qua tiếng lại cự cãi thì anh NLC1 chạy xuống nhà sau lấy cây dao ra rượt chém, nên bị cáo Lê Văn Đ bỏ chạy đi về trước, thấy vậy chị NLC3 (vợ của anh NLC2) lấy số tiền 400.000 đồng ra trả cho chị NLC6. Sau khi nhận được tiền chị NLC6 liền điều khiển xe mô tô đi về, trên đường về gặp bị cáo Lê Văn Đ đang đi bộ, nên cả hai cùng về quán H (ở khóm A, phường A, thị xã N).

Ngay sau đó, bị cáo Lê Văn Đ điện thoại cho bị cáo Lâm Văn L biết nội dung sự việc và đi gặp bị cáo Trần Văn Đ và Trương Văn B nói: “*Tao vừa bị thằng NLC1 cầm dao rượt chém, tụi mình đi vào chém thằng NLC1 trả thù...*”. Nói xong, bị cáo Lê Văn Đ lấy một cây dao tự chế dài 60cm dắt sau lưng, lên xe mô tô do bị cáo Trần Văn Đ điều khiển chạy đi trước. Còn bị cáo Lâm Văn L sau khi nghe điện thoại xong, thì đi rủ các anh NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 rồi chạy xe mô tô đi theo sau. Khi bị cáo Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô chở bị cáo Lê Văn Đ đi đến vòng xuyên Quản lộ Phụng Hiệp – Cà Mau gặp bị cáo Trương Văn B cầm cây dao tự chế dài 60cm đi cùng với tên Hưởng (không rõ họ tên, địa chỉ) đang dừng xe mô tô đứng đợi. Sau khi gặp nhau thì các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn Đ, Trương Văn B và tên Hưởng chạy xe mô tô đi đến nhà của anh NLC2, lúc này bị cáo Lê Văn Đ đi vào trước nói “*NLC1 ơi tao tới rồi nè*”, nói xong bị cáo Lê Văn Đ cầm cây dao tự chế chém vào yên xe mô tô 01 cái để trước sân nhà anh NLC2, anh NLC2 liền trốn vào trong nhà, còn NLC1, BH2 bỏ chạy theo hướng bờ kênh “Dân Quân”. Thấy vậy, bị cáo Trần Văn Đ liền giật lấy cây dao của bị cáo Lê Văn Đ, còn bị cáo Lê Văn Đ liền nhặt lấy một khúc cây tràm dài 1,20 mét (lớn bằng cổ tay) cầm trên tay, và cùng với bị cáo Trương Văn B và tên Hưởng chạy đuổi theo hướng chạy của anh NLC1, BH2. Khi anh BH2 bị vấp té ngã xuống đất, bị cáo Trương Văn B chạy tới liền cầm cây dao tự chế chém vào người anh BH2, nhưng do phần lưỡi dao rơi ra khỏi phần cán, nên chém không trúng. Liền lúc đó, bị cáo Lê Văn Đ cầm khúc cây tràm đánh vào vùng lưng của anh BH2 01 cây, kế tiếp bị cáo Trương Văn B nhặt phần lưỡi dao lên chém anh BH2 trúng vào thành ngực trái 01 dao, anh BH2 ngồi dậy và bỏ chạy, thấy vậy bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn Đ, Trương Văn B và tên Hưởng bỏ đi trở lại chỗ để xe mô tô định ra về.

Lúc này, phía bên bị hại gồm: NLC1, BH2, BH1, BH3, và chị BH4 mỗi người đều có cầm cây, gậy ba ton, cây dũa (dùng để đào đất) và cây dao cùng kéo lại phía các bị cáo thách thức. Lúc này, bị cáo Lâm Văn L cùng các anh NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 cũng chạy xe mô tô vừa đến. Bị cáo Trần Văn Đ cầm dao tự chế xông tới và xô xát với anh BH1 trong vườn rẫy dưa leo. Bị cáo Lâm Văn L cầm cây dao tự chế rượt đuổi chém anh NLC1, còn bị cáo Lê Văn Đ và Trương Văn B xô xát với anh BH2, chị BH3, và chị BH4. Riêng các anh NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 và tên Hưởng đứng ở phía ngoài không tham gia.

Trong lúc hai bên xô xát qua lại, bị cáo Trần Văn Đ cầm cây dao tự chế dài 60cm chém bị hại BH1 01 dao, trúng vào cổ tay trái đứt lìa bàn tay, do bị thương nặng anh BH1 té xuống, không đứng lại, bị cáo Trần Văn Đ tiếp tục chém anh BH1 thêm 02 dao nữa trúng vào vùng thắt lưng phải của bị hại BH1, khi nghe tiếng của BH1 la lên “*chết rồi...*” và thấy máu ra nhiều, thì bị cáo Trần Văn Đ ngưng không chém nữa. Cùng lúc này bị cáo Lâm Văn L cầm cây dao tự chế chạy lại định chém anh BH1, nhưng bị cáo Trần Văn Đ cản lại không cho bị cáo Lâm Văn L chém anh BH1. Còn bị cáo Trương Văn B cầm cây dao tự chế chém chị BH3 01 dao trúng vào bàn tay phải, tiếp tục bị cáo Trương Văn B trở bề sóng dao (bề lục) chém liên tiếp vào cẳng tay trái của chị BH4 02 cái. Tiếp tục bị cáo Trương Văn B chém anh BH2 thêm 01 dao trúng vào đốt ngón V bàn tay phải. Sau khi gây án xong, bị cáo Trương Văn B cùng đồng bọn bỏ chạy bỏ lại phần lưỡi dao tại hiện trường, còn bị cáo Trần Văn Đ và Lâm Văn L sau khi đi về đã ném bỏ cây dao tự chế xuống kênh “Dân Quân” để phi tang. Riêng bị cáo Lê Văn Đ sau đó đến Công an thị xã N để “đầu thú”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 45/TgT-PY, ngày 05-03-2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng, kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị hại BH1 là 55%. Trong đó: Sẹo mổ cắt cổ tay trái: tháo khớp cổ tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 52%; 02 sẹo phần mềm vùng lưng gồm: sẹo xuôi vùng thắt lưng bên phải, kích thước 09 x 0,3cm và sẹo hình chữ “L” ngang vùng lưng phải (tương ứng đốt sống thắt lưng L4, kích thước 2,5 x 0,4cm), tỉ lệ tổn thương cơ thể là 06%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 53/TgT-PY, ngày 12-03-2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng, kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị hại BH2 hiện tại là 10%. Trong đó: Sẹo xuôi thành ngực trái, kích thước 07 x 0,3cm; Sẹo ngang trên mặt ngoài cẳng tay trái, kích thước 07 x 0,3cm; Sẹo xuôi mặt lòng đốt xa ngón V tay phải, kích thước 03 x 0,2cm, cứng khớp đốt giữa – xa ngón V bàn tay phải; Xquang: Gãy đốt xa ngón V tay phải.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 54/TgT-PY, ngày 12-3-2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị hại BH3 hiện tại là 17%. Trong đó: Sẹo mặt lưng ngang ngón bàn I tay phải, kích thước 05 x 0,2cm, gây cứng khớp ngón bàn I tay phải; Sẹo phần mềm 1/3 dưới mặt ngoài cẳng tay phải, kích

thước 05 x 0,2cm; Xquang: Sai lệch khớp xương bàn I tay phải, có mảnh xương rời nhỏ ở đầu gần ngón I tay phải.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 66/TgT-PY, ngày 19/03/2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng, kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị hại BH4 hiện tại là 00%.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn Đ, Trương Văn B, Lâm Văn L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Tuyên phạt bị cáo Lê Văn Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-02-2019.

Tuyên phạt bị cáo Trần Văn Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-02-2019.

Tuyên phạt bị cáo Trương Văn B 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-02-2019.

Tuyên phạt bị cáo Lâm Văn L 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25-5-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587, 588; 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại BH1 số tiền 34.730.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH3 số tiền 5.830.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH2 số tiền 5.482.500 đồng (*Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

Buộc bị cáo Trần Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại BH1 số tiền 44.730.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH3 số tiền 5.830.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH2 số tiền 5.482.500 đồng (*Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

Buộc bị cáo Trương Văn B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại BH1 số tiền 44.730.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH3 số tiền 5.830.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH2 số tiền 4.482.500 đồng (*Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

Buộc bị cáo Lâm Văn L có trách nhiệm bồi thường cho bị hại BH1 số tiền 44.730.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH3 số tiền 5.830.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH2 số tiền 4.482.500 đồng (*Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 30-01-2020, bị cáo Lâm Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-ST ngày 13-02-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lâm Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, rút toàn bộ kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Lâm Văn L lập và được Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã N xác nhận vào ngày 30-01-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lành về xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-ST ngày 13-02-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên rút toàn bộ kháng nghị nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Điều 342 và khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-ST ngày 13-02-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lâm Văn L và các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn Đ, Trương Văn B khai nhận, do bị cáo Đam có mâu thuẫn với anh NLC1, nên vào khoảng hơn 08 giờ, ngày 04-02-2019, bị cáo Lê Văn Đ rủ Trần Văn Đ, Trương Văn B, Lâm Văn L đi tìm anh NLC1 trả thù thì các bị cáo Đ (Trần Văn Đ), B, L đồng ý. Ngay sau đó, các bị cáo đi đến tìm anh NLC1 bị cáo Đ (Lê Văn Đ) và Đ (Trần Văn Đ) đến trước, sau đó bị cáo L và B đến sau). Lúc này, giữa các bị cáo với bên phía gia đình anh NLC1 gồm anh NLC1, BH1, BH2, BH3 xảy ra xô xát. Trong lúc xô xát, các bị cáo đã thực hiện hành vi gây thương tích đối với BH1, BH2, BH3 cụ thể: Bị cáo Lê Văn Đ cầm khúc cây tràm đánh vào vùng lưng của anh BH2 01 cái, bị cáo Trương Văn B dùng dao tự chế chém vào thành ngực anh BH1 01 cái. Sau khi các bị cáo ra về thì gia đình anh NLC1 gồm NLC1, BH2, BH1, BH3 và

chị BH4 mỗi người đều có cầm cây, gậy ba ton, cây dĩa (dùng để đào đất) và cây dao cùng kéo lại phía các bị cáo thách thức thì hai bên xô xát với nhau, trong lúc xô xát qua lại bị cáo Trần Văn Đ cầm cây dao tự chế dài 60cm chém bị hại BH1 01 dao, trúng vào cổ tay trái đứt lia bàn tay, do bị thương nặng anh Hiếu té xuống, không đứng lại, bị cáo Trần Văn Đ tiếp tục chém anh BH1 thêm 02 dao nữa trúng vào vùng thắt lưng phải của bị hại BH1, cùng lúc này bị cáo Lâm Văn L cầm cây dao tự chế chạy lại định chém anh BH1, nhưng bị cáo Đ (Trần Văn Đ) cản lại không cho chém bị hại BH1. Còn bị cáo Trương Văn B cầm cây dao tự chế chém chị BH3 01 dao trúng vào bàn tay phải, tiếp tục bị cáo Trương Văn B trở bề sòng dao (bề lục) chém liên tiếp vào cẳng tay trái của chị BH4 02 cái; bị cáo Trương Văn B chém anh BH2 thêm 01 dao trúng vào đốt ngón V bàn tay phải. Hậu quả bị hại BH1 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ là 55%; bị hại BH2 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ là 10%; bị hại BH3 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ là 17%. Xét thấy, trong vụ án này, các bị cáo Trần Văn Đ, Trương Văn B và Lâm Văn L đều trực tiếp tiếp nhận ý trí từ bị cáo Đ (Lê Văn Đ) là đi tìm gặp anh NLC1 để trả thù, đồng thời khi đi các bị cáo B, L, Đ (Lê Văn Đ) đều có mang theo dao tự chế. Mặc dù bị cáo Lâm Văn L không gây thương tích cho ai nhưng quá trình xô xát bị cáo đã cầm dao rượt đuổi NLC1, sau đó bị cáo tiếp tục quay lại rượt và định chém bị hại BH1 nhưng được bị cáo Đ (Trần Văn Đ) cản lại, từ đó thể hiện các bị cáo cùng thống nhất ý chí với nhau trong việc gây thương tích cho các bị hại nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với thương tích của những người bị hại, trong đó các bị cáo Đ (Trần Văn Đ), B, L giữ vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực với bị cáo Đ (Lê Văn Đ) theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Hành vi dùng cây tràm, dao tự chế gây thương tích cho bị hại của các bị cáo thuộc trường hợp là dùng hung khí nguy hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn Đ, Trương Văn B, Lâm Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lâm Văn L: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với số tiền là 10.000.000 đồng; bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét, áp dụng cho bị cáo. Mặt khác, xét về mức hình phạt thì Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là phù hợp quy định pháp luật và tương xứng hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lâm Văn L.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 348, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-ST ngày 13-02-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lâm Văn L, không chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc hủy án bản án sơ thẩm để điều tra lại, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lâm Văn L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[6] Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 348 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-ST ngày 13-02-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lâm Văn L; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. - Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn Đ, Trương Văn B, Lâm Văn L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Tuyên phạt bị cáo Lê Văn Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-02-2019.

Tuyên phạt bị cáo Trần Văn Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-02-2019.

Tuyên phạt bị cáo Trương Văn B 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-02-2019.

Tuyên phạt bị cáo Lâm Văn L 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25-5-2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587, 588; 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại BH1 số tiền 34.730.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH3 số tiền 5.830.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH2 số tiền 5.482.500 đồng (*Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

Buộc bị cáo Trần Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại BH1 số tiền 44.730.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH3 số tiền 5.830.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH2 số tiền 5.482.500 đồng (*Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

Buộc bị cáo Trương Văn B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại BH1 số tiền 44.730.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH3 số tiền 5.830.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH2 số tiền 4.482.500 đồng (*Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

Buộc bị cáo Lâm Văn L có trách nhiệm bồi thường cho bị hại BH1 số tiền 44.730.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH3 số tiền 5.830.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm ba chục ngàn đồng*); bồi thường cho bị hại BH2 số tiền 4.482.500 đồng (*Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người bị hại BH1, BH3, BH2 có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng các bị cáo Đ, Đ (Trần Văn Đ), B, L còn phải trả lãi cho các bị hại theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

Đối với số tiền các bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N gồm: Bị cáo Lê Văn Đ nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 009767, ngày 05-3-2019; bị cáo Trần Văn Đ nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 009774, ngày 27-8-2019; bị cáo Trương Văn B nộp 5.000.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 009771, ngày 25-4-2019 và số 009790, ngày 10-12-2019; bị cáo Lâm Văn L nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 009775, ngày 27-8-2019, tiếp tục giao cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã N quản lý để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy 01 lưỡi dao có chiều dài 60cm (trong đó phần cán dài 12 cm phần lưỡi dài 48cm, chiều rộng 4.8cm) và 01 cây gậy ba ton dài 63cm.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí hình sự: Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn Đ, Trương Văn B, Lâm Văn L mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Về án phí dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chịu số tiền 2.302.125 đồng (*Hai triệu, ba trăm lẻ hai ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng*). Buộc các bị cáo Trần Văn Đ, Trương Văn B, Lâm Văn L mỗi bị cáo phải chịu số tiền 2.802.125 đồng (*Hai triệu, tám trăm lẻ hai ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Lâm Văn L chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND TX. N (08);
- VKSND TX. N (01);
- CQĐT - Công an TX. N (01);
- CQTHAHS-Công an N (04);
- Chi cục THADS TX.N (01);
- Bị cáo (04).
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Sóc Trăng (04);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (04);
- PHSNV- Công an tỉnh Sóc Trăng (01)
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Hữu